TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN HÒN ĐẤT** **TỈNH KIÊN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **48**/2024/DS-ST.
Ngày: 02/05/2024.
V/v tranh chấp góp hụi.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HÒN ĐẤT, TỈNH KIÊN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trịnh Thị Hồng Điệp.

Các Hội thẩm nhân dân: 1/ Ông Nguyễn Văn Đoạt.

2/ Bà Phạm Hồng Gái.

- Thư ký phiên tòa: Ông Lê Quốc Từng - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Hòn Đất, tỉnh Kiên Giang.

- Đại diện viện kiểm sát nhân dân huyện Hòn Đất tham gia phiên tòa: Bà Trần Phương Thuý - Kiểm sát viên.

Ngày 02 tháng 05 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Hòn Đất, tỉnh Kiên Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 152/2013/TLST-DS, ngày 02/8/2013 của Tòa án nhân dân huyện Hòn Đất về việc "tranh chấp góp hụi" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 41/2021/QĐXXST-DS ngày 07 tháng 4 năm 2021; Quyết định hoãn phiên tòa số: 51/2021/QĐST-DS ngày 28 tháng 4 năm 2021 và thông báo mở lại phiên tòa số 22/TB-TA ngày 17 tháng 4 năm 2024 giữa:

- *Nguyên đơn*: Bà **ĐặngThị Son**, sinh năm 1971; Địa chỉ: khu phố Đ, thị trấn H, huyện H, tỉnh Kiên Giang (Có mặt).

- *Bị đơn*: Ông **Nguyễn Thanh D (V)**, sinh năm 1983; Địa chỉ: Tổ C, ấp M, xã M, huyện H, tỉnh Kiên Giang (Có mặt).

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan*:

1/ Bà **Võ Thị L**, sinh năm 1988; Địa chỉ: Tổ C, ấp M, xã M, huyện H, tỉnh Kiên Giang (Vắng mặt).

2/ Bà **Nguyễn Kim S**, sinh năm 1971; Địa chỉ: ấp V, xã L, huyện H, tỉnh Kiên Giang (Có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và trong quá trình giải quyết nguyên đơn bà Đặng Thị S1 trình bày:

Vào ngày 10/9/2011 (al) bà Đặng Thị S1 có mở 01 dây hụi tháng, mỗi tháng áp hụi 01 lần, dây hụi này có 12 người tham gia, hụi sống đóng 8.000.000đồng/chân, hụi chết đóng 10.000.000 đồng/chân. Trong đó, ông Nguyễn Thanh D (V) tham gia 01 chân, ông D hốt lần áp hụi đầu tiên vào ngày 11/9/2011 (al) với số tiền 88.000.000đồng, sau khi trừ tiền cò 4.000.000đồng thì ông D thực nhận số tiền 84.000.000đồng; ông D có ký tên và ghi họ tên vào biên nhận hốt hụi cùng ngày (biên nhận hốt hụi ông D ký tên và ghi họ tên "Nguyễn Thanh V1"). Sau khi hốt hụi ông D có đóng hụi chết cho bà được 02 lần với số tiền 20.000.000đồng rồi không đóng nữa cho đến nay; tính đến khi mãn hụi thì ông D còn nợ lại 9 lần đóng với số tiền là 90.000.000 đồng, bà đòi nợ nhiều lần nhưng ông D cố tình trốn tránh không chịu trả nợ cho bà. Vì vậy, bà S1 đã làm đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc vợ chồng ông Nguyễn Thanh D (V1), bà Võ Thị L phải trả cho bà số tiền còn nợ là 90.000.000 đồng.

Tại phiên toà, bà S1 vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện nêu trên.

Tại bản tự khai và biên bản hòa giải ngày 30/8/2013 bị đơn ông Nguyễn Thanh D (V1) trình bày:

Từ trước đến nay, ông Nguyễn Thanh D chưa từng tham gia chơi hụi do bà Đặng Thị S1 làm chủ, vì vậy ông không có hốt hụi và cũng chưa từng ký tên vào biên nhận hốt hụi như bà S1 trình bày; ông tên Nguyễn Thanh D còn trong biên nhận hốt hụi đề ngày 11/9/2011 (al) lại ghi là "Nguyễn Thanh V1" nên chữ ký, chữ viết tên và ghi họ tên trong biên nhận hốt hụi mà bà S1 cung cấp cho Tòa án là không phải tên ông; chữ ký, chữ viết tên "Nguyễn Thanh V1" cũng không phải ông ký và viết ra. Vì vậy, ông không đồng ý trả nợ theo yêu cầu của bà S1.

Tại phiên tòa; ông D thừa nhận chữ ký, chữ viết họ tên trong biên nhận hốt hụi đề ngày 11/9/2011 (al) phía dưới dòng chữ người nhận tiền "Nguyễn Thanh V1" đúng là do ông ký và viết ra; lý do tại bản tự khai và biên bản hòa giải tại Tòa án ông không thừa nhận việc tham gia hụi và hốt hụi của bà S1 là vì ông chỉ chơi hụi dùm cho chị ruột của ông là bà Nguyễn Kim S, khi hốt hụi thì tiền hụi cũng do bà S sử dụng nên bà S phải có trách nhiệm trả nợ cho bà S1 (việc ông chơi hụi dùm cho bà S thì không báo cho bà S1 được biết). Do ông đã ký vào biên nhận hốt hụi nên ông đồng ý trả nợ theo yêu cầu của bà S1 nhưng ông xin được trả cho bà S1 mỗi tháng 2.000.000đồng, trả cho đến khi hết nợ thì thôi.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 27/4/2014 bà Nguyễn Kim S trình bày:

Bà Nguyễn Kim S là chị ruột của ông Nguyễn Thanh D; dây hụi ngày 10/9/2011(al) do bà Đặng Thị S1 làm chủ thì bà không tham gia ngay từ đầu mà do Nguyễn Thanh D tham gia, sau khi tham gia thì Dũ gạt dây hụi này qua cho bà và bà được hốt ngay lần áp hụi đầu tiên, số tiền hụi được hốt sau khi trừ tiền cò thì thực nhận là 84.000.000đồng; sau khi nhận tiền thì D ký tên và ghi họ tên vào biên nhận hốt hụi, do D đứng tên tham gia nên D ký tên và ghi họ tên dưới dòng chữ "người nhận tiền". Sau khi hốt hụi thì D trực tiếp đóng 02 lần hụi chết cho bà S1 nên còn nợ lại 09 lần đóng thành tiền là 90.000.000đồng. Do dây hụi này D đã gạt qua cho bà (việc gạt nợ chỉ thỏa thuận miệng giữa bà với ông D, bà S1 không biết). Vì vậy, bà tự nguyện trả cho bà S1 số tiền hụi chết còn nợ là 90.000.000đồng.

Tại phiên tòa; bà S tự nguyện trả cho bà S1 số tiền hụi còn nợ là 90.000.000đồng và xin được trả mỗi tháng là 2.000.000đồng cho đến khi hết nợ.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Võ Thị L:

Sau khi thụ lý vụ án Tòa án đã tiến hành tống đạt hợp lệ đạt thông báo thụ lý vụ án, các thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa nhưng bà L đều vắng mặt nên Tòa án không ghi nhận được ý kiến của bà L đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Ý kiến phát biểu của Vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hòn Đất:

- Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán: Trong quá trình giải quyết vụ án Thẩm phán đã tuân theo đúng các quy định về pháp luật tố tụng dân sự.

- Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử: Tại phiên tòa Hội đồng xét xử, Thư ký đã thực hiện đúng nhiệm vụ, quyền hạn được quy định tại các Điều 48, 49, 51 của Bộ luật tố tụng dân sự; Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về phiên tòa sơ thẩm và đảm bảo đúng nguyên tắc xét xử.

- Về chấp hành pháp luật của các đương sự trong vụ án: Từ khi thụ lý vụ án cũng như tại phiên tòa hôm nay thì nguyên đơn đã thực hiện đúng các quy định Bộ luật tố tụng dân sự về quyền và nghĩa vụ của các đương sự; phía bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đã không chấp hành đúng các quy định tại Điều 70, 72 của Bộ luật tố tụng dân sự; dù đã được Tòa án tống đạt văn bản tố tụng và triệu tập hợp lệ nhưng bà Võ Thị L vẫn vắng mặt.

- Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử (HĐXX) áp dụng Điều 471 Bộ luật dân sự 2015Điều 27 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 17, 29 và Điều 31 của Nghị định 144/2006/NĐ-CP ngày 27/11/2006 của Chính phủ; khoản 1 Điều 27 của Nghị định 19/2019/NĐ-CP ngày 19/02/2019 của Chính phủ quy định về họ hụi, biêu, phường. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Đặng Thị S1.

Buộc ông Nguyễn Thanh D (V1) và bà Võ Thị L phải trả cho bà Đặng Thị S1 số tiền hụi còn nợ là 90.000.000đồng (*Chín mươi triệu đồng*).

Về yêu cầu tính lãi: Không đặt ra xem xét do nguyên đơn không yêu cầu.

Về án phí sơ thẩm: Đề nghị áp dụng Nghị quyết số 326/2016/ UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án để giải quyết theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ kết quả tranh luận tại phiên toà HĐXX nhận định như sau:

[1] *Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết:* Theo nội dung đơn khởi kiện, bà Đặng Thị S1 yêu cầu ông Nguyễn Thanh D (V1) và bà Võ Thị L phải trả cho bà số tiền hụi còn nợ nên đây được xác định là tranh chấp dân sự về góp hụi mà bị đơn có nơi cư trú tại huyện H, tỉnh Kiên Giang nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Hòn Đất theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ Luật tố tụng dân sự 2015.

[2] *Về thủ tục tố tụng*: Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Võ Thị L được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ 2 nhưng vẫn vắng mặt. Căn cứ khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ Luật tố tụng dân sự năm 2015, HĐXX tiến hành xét xử vắng mặt người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan tại phiên tòa.

[3] *Về nội dung vụ án:* Vào ngày 10/9/2011 (al) bà Đặng Thị S1 có mở 01 dây hụi tháng, mỗi tháng áp hụi 01 lần, dây hụi này có 12 người tham gia, hụi sống đóng 8.000.000đồng/chân, hụi chết đóng 10.000.000 đồng/chân. Ông Nguyễn Thanh D (V1) tham gia 01 chân, ông D hốt đầu tiên vào ngày 11/9/2011 (al) với số tiền 88.000.000đồng, sau khi trừ tiền cò 4.000.000đồng thì ông D thực nhận số tiền 84.000.000đồng, ông D có ký tên và ghi họ tên vào biên nhận hốt hụi cùng ngày. Sau khi hốt hụi ông D có đóng hụi chết cho bà S1 được 02 lần với số tiền 20.000.000đồng rồi không đóng nữa cho đến nay. Vì vậy, tính đến khi mãn hụi thì ông D còn nợ 09 lần đóng với số tiền 90.000.000đồng.

Tại phiên tòa, bà S1 yêu cầu vợ chồng ông D, bà L phải trả cho bà số tiền hụi còn nợ là 90.000.000 đồng.

Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, HĐXX xét thấy: Phía nguyên đơn bà Đặng Thị S1 có cung cấp cho Toà án biên nhận nợ đề ngày 10/9/2011 (al) phía dưới chữ người nhận tiền có chữ ký tên và chữ viết họ tên "Nguyễn Thanh V1". Theo nội dung biên nhận thể hiện ông D có tham gia dây hụi tháng được áp vào ngày 10/9/2011 (al) do bà S1 làm chủ và hốt với số tiền 88.000.000đồng, sau khi trừ tiền cò 4.000.000đồng thì ông D thực nhận số tiền 84.000.000đồng. Bà S1 cho rằng bà đã giao đủ tiền hụi cho ông D rồi ông D mới ký tên và ghi họ tên vào biên nhận nợ đề ngày 10/9/2011 (al) và việc giao nhận tiền được diễn ra tại nhà bà, lúc đó chỉ có bà và ông D; sau khi hốt hụi thì ông D có đóng hụi chết cho bà được 02 lần với số tiền 20.000.000đồng. Trong quá trình giải quyết vụ án; ông D không thừa nhận có chơi hụi do bà S1 làm chủ vì ông cho rằng ông chưa từng hốt hụi và cũng chưa từng ký tên và ghi họ tên vào biên nhận hốt hụi ngày 10/9/2011(al) như bà S1 trình bày; ông tên Nguyễn Thanh D còn trong biên nhận hốt hụi đề ngày 11/9/2011(al) lại ghi "Nguyễn Thanh V1" nên không phải tên ông; chữ ký, chữ viết trong biên nhận hốt hụi cũng không phải do ông ký và viết ra nên ông không đồng ý trả nợ theo yêu cầu của bà S1.

Tại kết luận giám định số 686/KL-KTHS ngày 25/11/2019 của phòng K Công an tỉnh K kết luận: Chữ ký mang tên Nguyễn Thanh V1 và chữ viết ghi họ tên "Nguyễn Thanh V1" trên mẫu cần giám định ký hiệu A so với chữ ký và chữ viết của Nguyễn Thanh D trên các mẫu so sánh ký hiệu từ M1 đến M4 do cùng một người ký và viết ra. Hơn nữa; theo trình bày của bà Nguyễn Kim S là chị ruột của ông Nguyễn Thanh D cũng khẳng định rằng ông D có tham gia dây hụi tháng được áp vào ngày 11/9/2011(al) do bà S1 làm chủ, có nhận số tiền hụi 84.000.000đồng từ bà S1 và ký tên, viết họ tên "Nguyễn Thanh V1" phía dưới dòng chữ người nhận tiền. Đồng thời tại phiên toà hôm nay ông D cũng thừa nhận chữ ký, chữ viết trong biên nhận mà bà S1 cung cấp cho Tòa án là do ông ký, viết ra. Vì vậy, ông đồng ý trả nợ cho bà S1 nhưng xin được trả dần mỗi tháng là 2.000.000 đồng, trả cho đến hết số nợ 90.000.000đồng. Từ đó cho thấy việc bà S1 khởi kiện ông D yêu cầu trả số tiền hụi còn nợ 90.000.000đồng là có căn cứ.

[4] Đối với bà Võ Thị L (vợ ông D); Bà S1 cho rằng trước khi tham gia chơi hụi ông D nói là đang cần tiền để mua đất nên đề nghị được tham gia hụi và hốt hụi đầu tiên. Vì vậy, bà đã đồng ý cho ông D tham gia và hốt lần đầu tiên nên số tiền mà ông D hốt hụi là mua đất với mục đích phát triển kinh tế gia đình; hơn nữa khi đến đóng hụi chết thì cả 02 vợ chồng ông D và bà L đến đóng tiền hụi cho bà tại nhà bà Nguyễn Thị D1 (T). Vì vậy, chứng tỏ bà L vẫn biết ông D tham gia hụi của bà và thời điểm tham gia hụi

thì ông D và bà L đang trong thời kỳ hôn nhân, do đó bà yêu cầu bà L phải có trách nhiệm liên đới trả số tiền này cho bà. Trong quá trình giải quyết vụ án; Toà án đã thông báo cho ông V1, bà L được biết về việc có ý phản bác yêu cầu của nguyên đơn và cung cấp tài liệu, chứng cứ, chứng minh. Tuy nhiên, phía ông D và bà L không cung cấp tài liệu, chứng cứ, chứng minh cũng như không có ý kiến gì đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn; đồng thời theo biên bản ghi lời khai ngày 23/4/2024 bà Nguyễn Thị D1 (T) xác định trước đây bà không nhớ cụ thể năm nào nhưng bà nhớ lúc đó bà S1 còn là người phụ giúp bà buôn bán, bà có thấy vợ chồng của ông D đến đóng tiền hụi cho bà S1 một vài lần vì lúc bà S1 có nói là vợ chồng ông D là em của bà S đến đóng hụi cho bà S1. Như vậy, căn cứ Điều 27 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định về trách nhiệm liên đới của vợ, chồng HĐXX thống nhất chấp nhận yêu cầu của bà S1, buộc bà Võ Thị L phải có trách nhiệm liên đới cùng với ông Nguyễn Thanh D trả cho bà S1 số tiền còn nợ là 90.000.000đồng.

[5] Đối với bà Nguyễn Kim S (chị ruột của ông D); Tại phiên tòa, bà S cho rằng ông D chơi hụi dùm cho bà, số tiền hụi mà ông D hốt của bà S1 cũng do bà là người sử dụng nên bà đồng ý trả cho bà S1 số tiền này nhưng bà S1 không đồng ý. Xét thấy, phía bà S cho rằng ông D chơi hụi dùm cho bà S nhưng việc chơi hụi dùm không có sự đồng ý của chủ hụi (bà S1); hơn nữa bà S cũng không có chứng cứ gì chứng minh việc ông D chơi hụi dùm cho bà; mặc khác trong các biên bản hoà giải và bản tự khai ông D không thừa nhận việc chơi hụi của bà S1. Vì vậy, HĐXX xét thấy đây chỉ là lời khai nại của bà S nên không có cơ sở xem xét.

Từ những phân tích nêu trên, HĐXX chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Đặng Thị S1, buộc bị đơn ông Nguyễn Thanh D (V1) và bà Võ Thị L phải trả cho bà S1 số tiền hụi còn nợ là 90.000.000đồng (*Chín mươi triệu đồng*).

[6] Đối với yêu cầu tính lãi: Ngày 06/6/2019 bà S1 có đơn khởi kiện bổ sung yêu cầu vợ chồng ông D, bà L phải trả số tiền lãi với mức lãi suất theo quy định của pháp luật cho đến khi xét xử xong vụ án. Sau khi xem xét đơn khởi kiện bổ sung thì Tòa án yêu cầu bà S1 sửa đổi, bổ sung đơn khởi kiện bổ sung vì đơn chưa đúng theo quy định tại Điều 189 Bộ luật tố tụng dân sự; bà S1 không yêu cầu tính lãi nữa nên xin rút lại đơn khởi kiện bổ sung. Do đó, HĐXX miễn xét.

[7] Xét ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hòn Đất phát biểu tại phiên tòa là có căn cứ nên được HĐXX chấp nhận trong quá trình nghị án.

[8] Về chi phí giám định: 2.295.000 đồng ông Nguyễn Thanh D (V1) và bà Võ Thị L phải chịu theo quy định tại khoản 2 Điều 161 Bộ luật tố tụng dân sự.

[9] Về án phí DSST: Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án, buộc ông Nguyễn Thanh D (V1), bà Võ Thị L phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch trên số tiền phải trả cho bà S1 (90.000.000 đồng x 5% = 4.500.000đồng).

Bà S1 không phải chịu án phí sơ thẩm, do yêu cầu khởi kiện được chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, 227, 228 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

- Áp dụng các Điều 471 Bộ luật dân sự năm 2015;

- Áp dụng Điều 27 luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Áp dụng các Điều 17, 29 và Điều 31 của Nghị định 144/2006/NĐ-CP ngày 27/11/2006 của Chính phủ; khoản 1 Điều 27 của Nghị định 19/2019/NĐ-CP ngày 19/02/2019 của Chính phủ quy định về họ hụi, biêu, phường;

- Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/ UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Tuyên xử:

1/ Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Đặng Thị S1.

Buộc ông Nguyễn Thanh D (V1) và bà Võ Thị L phải trả cho bà Đặng Thị S1 số tiền 90.000.000đồng (*Chín mươi triệu đồng*).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, bà S1 có đơn yêu cầu thi hành án phía ông V1, bà L còn phải chịu một khoản tiền lãi theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự, tương ứng với thời gian và số tiền chậm thi hành án cho đến khi thi hành xong bản án này.

2/ Về chi phí giám định: Buộc ông Nguyễn Thanh D (V1), bà Võ Thị L phải trả cho bà Đặng Thị S1 chi phí giám định với số tiền là 2.295.000 đồng (do bà S1 đã tạm ứng trước).

3/ Về án phí DSST: Buộc ông Nguyễn Thanh D (V1), bà Võ Thị L phải nộp án phí sơ thẩm có giá ngạch là 4.500.000đồng (*Bốn triệu năm trăm nghìn đồng*).

Hoàn trả cho bà Đặng Thị S1 số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 2.250.000đồng (*Hai triệu hai trăm năm mươi nghìn đồng*) theo biên lai thu số 05441 ngày 02/8/2013 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Hòn Đất.

4/ Quyền kháng cáo: Báo cho các đương sự biết có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (ngày 02/5/2024). Đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết công khai.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:
- TA tỉnh Kiên Giang;
- VKS nhân dân huyện Hòn Đất;
- THA huyện Hòn Đất;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ./.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Trịnh Thị Hồng Đ